

Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế: Nghiên cứu tại Trường Đại học Hồng Đức

ĐỖ THỊ MÃN*

Tóm tắt

Bài viết tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập (KQHT) của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế, Trường Đại học (ĐH) Hồng Đức thông qua kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến từ mẫu khảo sát 500 sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế, Trường ĐH Hồng Đức. Trong đó, Phương pháp học tập của sinh viên là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến KQHT, tiếp đến là các nhân tố: Chương trình đào tạo; Động cơ học tập của sinh viên; Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Cơ sở vật chất của nhà trường; Gia đình - xã hội; Các yếu tố hỗ trợ. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị đối với Trường ĐH Hồng Đức, nhằm nâng cao KQHT của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế trong thời gian tới.

Từ khóa: kết quả học tập, nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập, sinh viên chính quy, Trường Đại học Hồng Đức

Summary

The article focuses on studying the factors affecting the learning outcomes of full-time students majoring in Economics at Hong Duc University through the results of multivariate regression model analysis from survey sample of 500 students. Research results show that there are seven factors have positive effects on the learning outcomes of full-time students majoring in economics, Hong Duc University. In particular, Students' learning method is the factor that has the greatest influence, followed by Training programs, Students' learning motivation, Lecturers' teaching methods, Facilities of university, Family and society and Supporting factors. Based on the research results, the author proposes a number of recommendations for Hong Duc University to improve students' learning outcomes in the future.

Keywords: learning outcomes, factors affecting the learning outcomes, full-time students, Hong Duc University

GIỚI THIỆU

KQHT là một trong những thước đo phản ánh năng lực học tập và nghiên cứu của người học, cũng như năng lực giảng dạy của giảng viên trong các trường ĐH. Bên cạnh đó, KQHT có ảnh hưởng lớn đến nghề nghiệp tương lai của sinh viên. Nó là một trong những chỉ tiêu quan trọng để nhà tuyển dụng làm căn cứ để tuyển dụng lao động tại bất kỳ tổ chức nào. Như vậy, KQHT không chỉ là mục tiêu quan trọng hàng đầu của người học, mà còn là chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà giáo và cơ sở giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc đạt được một kết quả cao hay sự thành công trong học tập của sinh viên là không dễ thực hiện, bởi vì KQHT là một đại lượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài của người học. Chính vì vậy,

việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên, trong đó có sinh viên khối ngành kinh tế của Trường ĐH Hồng Đức sẽ giúp cho các nhà quản lý và các nhà giáo của Trường có được những giải pháp phù hợp nhằm cải thiện tình hình học tập cho người học.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu của Dickie (1999) cho rằng, các yếu tố: Đặc trưng gia đình; Nguồn lực của nhà trường; Đặc điểm của người học và Năng lực cá nhân có tác động

* TS., Trường Đại học Hồng Đức

Ngày nhận bài: 06/10/2023; Ngày phản biện: 28/10/2023; Ngày duyệt đăng: 15/11/2023

đến KQHT của người học. Checchi và cộng sự (2000) lại cho rằng, KQHT được tác động bởi các yếu tố: Điều kiện gia đình đại diện là thu nhập của gia đình, Số tiền đầu tư vào giáo dục cho con cái, Đặc điểm của sinh viên đại diện là trí thông minh và Mức độ cố gắng của người học.

Theo Bratti và Staffolani (2002), KQHT của sinh viên chủ yếu được xác định bởi thái độ học tập của sinh viên, bởi vì sự phân bổ thời gian cho việc học tùy thuộc vào quyết định của họ. Do đó, KQHT của sinh viên phần lớn phụ thuộc vào thái độ học tập của họ. Ko Jang Wan và cộng sự (2016) đã kết luận, có mối quan hệ giữa KQHT của sinh viên và các yếu tố liên quan đến những kết quả này, bao gồm: Môi trường ĐH, Sự tham gia của lớp học, Sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, Sự kết hợp của các kinh nghiệm cá nhân.

Tại Việt Nam, Võ Thị Tâm (2010) đã kết luận, các yếu tố Động cơ học tập, Kiên định học tập, Cạnh tranh học tập, Ấn tượng của sinh viên với trường ĐH và Phương pháp học tập giải thích gần 50% sự thay đổi trong KQHT của sinh viên chính quy Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, trong đó, Phương pháp học tập là nhân tố tác động lớn nhất.

Biện Chứng Học (2015) đã chỉ ra rằng, có 9 yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên và mức độ tác động của từng yếu tố lên KQHT của sinh viên được thể hiện từ mạnh đến yếu cụ thể như sau: (i) Phương pháp học tập của sinh viên, (ii) Khu vực đào tạo, (iii) Thời gian tự học của sinh viên, (iv) Phương pháp sư phạm của giảng viên, (v) Sự quan tâm của gia đình, (vi) Giới tính của sinh viên, (vii) Tham gia các hoạt động xã hội, (viii) Thể chất của sinh viên và (ix) Số năm học ĐH của sinh viên.

Từ tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước nói trên, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố có ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên chính quy thuộc khối ngành kinh tế của Trường ĐH Hồng Đức như Hình.

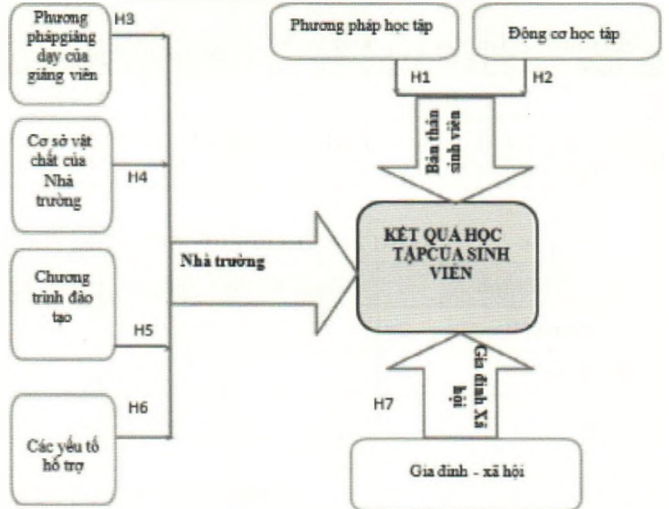
Các giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

H1: Phương pháp học tập (PPHT) có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.

H2: Động cơ học tập (DC) có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên

H3: Phương pháp giảng dạy tích cực của giảng viên (PPGD) có ảnh hưởng thuận chiều đến KQHT của sinh viên.

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Đề xuất của tác giả

H4: Cơ sở vật chất (CSVC) có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.

H5: Chương trình đào tạo (CTDT) có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.

H6: Các yếu tố hỗ trợ (YHTT) có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.

H7: Gia đình - xã hội (GDXH) có tác động tích cực đến KQHT của sinh viên.

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, bao gồm nghiên cứu định lượng có kết hợp với định tính.

Nghiên cứu định tính được thực hiện qua phương pháp phỏng vấn sâu 6 chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục (gồm 2 cán bộ quản lý, 2 giảng viên và 2 cố vấn học tập) và thảo luận nhóm với 10 sinh viên để khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên và điều chỉnh thang đo của các nhân tố cho phù hợp.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng cách gửi bảng câu hỏi khảo sát tới 500 sinh viên chính quy các lớp của khối ngành kinh tế của Trường ĐH Hồng Đức theo phương pháp ngẫu nhiên theo tổ (theo khóa sinh viên). Cuối cùng, có 465 phiếu hợp lệ được tác giả sử dụng để phân tích dữ liệu chính thức. Thời gian khảo sát được tiến hành trong tháng 3-4/2023. Các biến độc lập và biến phụ thuộc được đo lường theo thang đo Likert với 5 mức độ, từ 1- Rất không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Bình thường; 4 - Đồng ý; 5 - Rất đồng ý.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả đánh giá độ tin cậy của các thang đo và phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Theo kết quả nghiên cứu, các thang đo của mô hình nghiên cứu đều có hệ số Cronbach's Alpha khá cao (> 0,8). Tất cả các biến quan sát của các thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3. Vì vậy, các thang đo đều đạt yêu cầu, do đó đủ điều kiện để phân tích EFA.

Kết quả phân tích EFA cho thấy, chỉ số KMO là 0,893 (> 0,5); phương sai trích bằng 63,411% (> 50%),

BẢNG 1: TÓM TẮT MÔ HÌNH HỒI QUY

Mô hình	Giá trị R	Giá trị R ²	Giá trị R ² hiệu chỉnh	Sai số tiêu chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	0,729 ^a	0,531	0,524	0,52717	1,894
a. Biến độc lập: (Constant), YHTT, GDXH, DC, CSVC, PPGV, PPHT, CTDT					
b. Biến phụ thuộc: KQHT					

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH SỰ PHÙ HỢP CỦA MÔ HÌNH HỒI QUY

Mô hình		Tổng các bình phương	Bậc tự do	Giá trị trung bình	F	Sig.
1	Mô hình hồi quy	143,982	7	20,569	74,013	0,000 ^b
	Phần dư	127,004	457	0,278		
	Tổng	270,985	464			

BẢNG 3: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG MÔ HÌNH

Biến độc lập	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa (Beta)	Giá trị tới hạn (t)	Mức ý nghĩa thống kê (Sig.)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
	B	Sai số tiêu chuẩn				
(Constant)	-0,315	0,191		-1,648	0,100	1,339
PPHT	0,280	0,037	0,280	7,547	0,000	1,379
DC	0,202	0,039	0,197	5,225	0,000	1,392
PPGV	0,150	0,038	0,150	3,970	0,000	1,256
CSVC	0,116	0,035	0,120	3,338	0,001	1,146
GDXH	0,075	0,034	0,075	2,197	0,029	1,663
CTDT	0,199	0,040	0,204	4,928	0,000	1,256
YHTT	0,070	0,035	0,072	1,996	0,046	1,339
Biến phụ thuộc: KQHT						

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả

điều này có nghĩa rằng, cả 8 nhân tố này giải thích được 63,411% biến thiên của dữ liệu; điểm dừng trong phân tích nhân tố EFA bằng 1,342 >1; kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0,05). Do đó, có thể kết luận, các chỉ số trong nghiên cứu đạt tiêu chuẩn phân tích EFA.

Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả từ Bảng 2 cho thấy, giá trị Sig. = 0,000 < 0,05, nên mô hình hồi quy là phù hợp ở độ tin cậy 95%, giá trị R² = 0,531 (Bảng 1) cho biết, 53,1% sự thay đổi KQHT của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế, Trường ĐH Hồng Đức là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 46,9% do sự thay đổi của các yếu tố ngoài khác ngoài mô hình. Ngoài ra, Hệ số Durbin Watson (Bảng 1) là 1,894 (nằm trong khoảng từ 1 đến 3), nên mô hình hồi quy bội thỏa mãn điều kiện không có khuyết tật tự tương quan. Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, giá trị của các hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều < 10. Như vậy, các biến độc lập không có tương quan với nhau, nên mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập.

Kết quả ước lượng mô hình từ Bảng 3 cho thấy, với mức ý nghĩa 5% (Sig. < 0,05), tất cả 7 biến độc lập

đều có tác động đến biến phụ thuộc là KQHT của sinh viên. Trong đó, nhân tố tác động lớn nhất đến KQHT của sinh viên là Phương pháp học tập với hệ số hồi quy chuẩn hóa beta = 0,280, tiếp đến là Chương trình đào tạo, với hệ số beta chuẩn hóa = 0,204, tiếp theo là nhân tố Động cơ học tập của sinh viên với beta = 0,197, tiếp đến là Phương pháp giảng dạy của giảng viên với mức độ ảnh hưởng thể hiện thông qua hệ số beta chuẩn hóa là 0,150. Cơ sở vật chất của Nhà trường là nhân tố ảnh hưởng thứ 5 đến KQHT trong mô hình, với hệ số ảnh hưởng là 0,120. Gia đình - xã hội ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên với mức độ ảnh hưởng thứ 6 và nhân tố cuối cùng ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên là Các yếu tố hỗ trợ (như: sự hỗ trợ từ phía các giảng viên, cố vấn học tập, cán bộ các phòng ban chuyên môn, nhân viên hành chính và sự hỗ trợ từ bạn bè). Bên cạnh đó, kết quả ước lượng các hệ số hồi quy

beta chuẩn hóa đều mang giá trị dương, điều này có nghĩa là cả 7 nhân tố trong mô hình đều có ảnh hưởng thuận chiều đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế, Trường ĐH Hồng Đức.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến KQHT của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế, Trường ĐH Hồng Đức. Trong đó, Phương pháp học tập của sinh viên là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến KQHT, tiếp đến là các nhân tố: Chương trình đào tạo; Động cơ học tập của sinh viên; Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Cơ sở vật chất của nhà trường; Gia đình - xã hội; Các yếu tố hỗ trợ.

Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với Trường ĐH Hồng Đức nhằm nâng cao KQHT của sinh viên như sau:

Thứ nhất, về phương pháp học tập của sinh viên, Nhà trường và giảng viên cần giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tập phù hợp với từng học phần. Sinh viên phải kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà, trên thư viện. Khi học tập trên lớp cần tăng cường tương tác với giảng viên và bạn bè, ghi bài đầy đủ và hoàn thành các bài tập, các tình huống thảo luận. Ở nhà sinh viên cần tận dụng thời gian đọc thêm các tài liệu tham khảo, làm bài tập, tiểu luận.

Thứ hai, về chương trình đào tạo, thông qua việc chỉnh sửa các chương

trình đào tạo hàng năm, Nhà trường cần yêu cầu các Khoa, bộ môn tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên trong chương trình đào tạo bằng việc tăng thời lượng các giờ học thực hành, thực tế; liên kết với các doanh nghiệp cho sinh viên đi tham quan, thực tập công việc thực tế; Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng thích ứng sự thay đổi của nền kinh tế số và đổi mới sáng tạo để sinh viên có thể lĩnh hội được những kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Thứ ba, giảng viên cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường các phương pháp thảo luận nhóm, cinema để giúp sinh viên trau dồi kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc theo đội, nhóm. Tăng cường nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng giao tiếp của giảng viên để có thể áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, giúp phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Thứ tư, Nhà trường cần đầu tư mua sắm thêm các máy vi tính mới đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, nâng cấp các thiết bị, đường truyền mạng tại các phòng học, phòng máy, thư viện tạo điều kiện cho sinh viên học tập và tra cứu các tài liệu hỗ trợ việc học. Phòng Quản trị vật tư thiết bị thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa các trang thiết bị, như: đèn điện, quạt, máy tính, máy chiếu, loa, micro tại các phòng học, khu giảng đường.

Thứ năm, Nhà trường và các khoa cần thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể tại lớp cho sinh viên nhằm tăng tính tương tác giữa sinh viên với giảng viên, cố vấn học tập, từ đó giúp gần gũi hơn với sinh viên, dễ dàng quản lý, trao đổi, giải quyết kịp thời các khó khăn, thắc mắc của sinh viên. Ngoài ra, cũng cần có sự phối hợp giữa các phòng, ban, trung tâm trong việc truyền đạt thông tin chung đến sinh viên một cách chính xác, kịp thời, giúp sinh viên nắm được thông tin về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo của nhà trường, cũng như các thông tin về học bổng, cơ hội việc làm. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biện Chứng Học (2015), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ vừa làm vừa học trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bratti, M., and Staffolani, S., (2002), *Student Time Allocation and Educational Production Functions*, Conference paper at the XIV annual EALE conference.
3. Checchi, D., Franzoni, F., Ichino, A., and Rustichini, A. (2000), *College Choice and Academic Performance*, retrived from <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.718.6780&rep=rep1&type=pdf>.
4. Dickie, M. (1999), *Family Inputs, School Quality and Educational Achievement: A Household Production Approach*, Working paper, 112-124
5. Ko Jang Wan, Sumee Park, Hyun Sook Yu, Seon-joo Kim and Dong Min Kim (2016), *The Structural Relationship Between Student Engagement and Learning Outcomes in Korea*, *The Asia - Pacific Education Researcher*, 25(1), 147- 157.
6. Võ Thị Tâm (2010), *Các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên chính quy trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Quốc gia Hà Nội.